TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/DS-ST
Ngày: 02-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Lê Thị Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Ngọc Thùy T**, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số B, ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số A, Tổ A, ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2025 của bà Phạm Ngọc Thùy T và quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày:*

Do có mối quan hệ bạn bè quen biết, vào ngày 28/8/2020, giữa bà T và bà H có ký kết Hợp đồng vay tiền số công chứng 3902; quyển số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2020 tại Văn phòng C, nội dung hợp đồng thỏa thuận cụ thể như sau: Bà T cho bà H vay số tiền 168.000.000đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng); thời hạn vay là 02 năm tính từ ngày 28/8/2020; không lãi suất. Tuy nhiên, giữa bà T và bà H có thoả thuận bằng miệng lãi suất: 3%/tháng; mục đích vay: Làm ăn mua bán.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H không trả cho bà T tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận mặc dù bà T nhiều lần điện thoại bà H nhưng không nghe và đến nhà bà H nhưng không gặp vì bà H cố tình né tránh không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà bà T.

Bà Phạm Ngọc Thùy T yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Trần Thị Mỹ H trả cho bà T số tiền 336.917.616 đồng (trong đó, tiền nợ gốc 168.000.000đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 28/8/2020 đến ngày 24/11/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 168.917.616 đồng). Bà T yêu cầu bà Trần Thị Mỹ H tiếp tục trả lãi từ ngày 25/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tại đơn xin rút nội dung yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn trả lãi đề ngày 12/12/2025, bà T trình bày: Bà T xin rút lại yêu cầu trả lãi. Bà T chỉ yêu cầu bà Trần Thị Mỹ H trả tiền nợ gốc 168.000.000đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng vay tiền số công chứng 3902; quyển số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2020 ký tại Văn phòng C. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* *Đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ H:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Bà Phạm Ngọc Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu bà Trần Thị Mỹ H trả tiền nợ gốc 168.000.000đồng; bà Trần Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa.

* *Quan điểm Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 168.000.000đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà

H trả nợ lãi; buộc bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật,

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T yêu cầu bà H trả nợ gốc là 168.000.000đồng, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long;

Bà Trần Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc Thùy T.

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Bà T yêu cầu bà H trả 168.000.000đồng, chứng cứ để bà T xác định yêu cầu là Hợp đồng vay tiền số công chứng 3902; quyển số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2020 ký tại Văn phòng C, bà H nhận số tiền là 168.000.000đồng.

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Hợp đồng vay tiền ngày 28/8/2020 được công chứng chứng thực tại Văn phòng C. Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn Trần Thị Mỹ H đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không phản đối tình tiết, sự kiện tài liệu do nguyên đơn đưa ra theo quy định tại Điều 91, khoản 5 Điều 177, Điều 179, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản ý kiến gì phản đối. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết bà H nợ bà T là sự thật. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp nên việc bà T yêu cầu bà H trả nợ gốc 168.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về tiền nợ lãi:

Tại Hợp đồng vay tiền không thỏa thuận lãi và có thỏa thuận thời hạn trả là 02 năm tính từ ngày 28/8/2020, nên xác định hợp đồng vay không lãi, có kỳ hạn, không thế chấp tài sản; theo đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lãi từ ngày vay (ngày 28/8/2020) đến ngày xét xử với mức lãi suất là 1,66%/tháng là chưa phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự

năm 2015; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu bị đơn trả lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận sự tự nguyện rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Mỹ H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Phạm Ngọc Thùy T được chấp nhận (với mức thu 05% của giá trị tranh chấp) là 8.400.000đồng;

- Bà Phạm Ngọc Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 351, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc Thùy T về việc rút lại yêu cầu bị đơn trả lãi.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc Thùy T về việc buộc bà Trần Thị Mỹ H trả nợ.

Buộc bà Trần Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Ngọc Thùy T số tiền là 168.000.000đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Mỹ H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.400.000đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả bà Phạm Ngọc Thùy T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 8.383.000đồng (tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004304 nộp ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến